

PHỤ LỤC 1

I. Danh sách các luật được Quốc hội khoá XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 10

Stt	Tên luật	Ngày thông qua	Ngày có hiệu lực
1.	Luật an toàn thông tin mạng	19/11/2015	01/7/2016
2.	Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân	20/11/2015	01/7/2016
3.	Luật kế toán	20/11/2015	01/01/2017
4.	Luật thống kê	23/11/2015	01/7/2016
5.	Luật khí tượng, thủy văn	23/11/2015	01/7/2016
6.	Bộ luật dân sự	24/11/2015	01/01/2017
7.	Bộ luật tố tụng dân sự	25/11/2015	01/7/2016
8.	Luật tố tụng hành chính	25/11/2015	01/7/2016
9.	Luật thi hành tạm giữ, tạm giam	25/11/2015	01/01/2018
10.	Bộ luật hàng hải Việt Nam	25/11/2015	01/01/2017
11.	Luật trưng cầu ý dân	25/11/2015	01/7/2016
12.	Luật phí, lệ phí	25/11/2015	01/01/2017
13.	Luật quân nhân chuyên nghiệp và công nhân, viên chức quốc phòng	26/11/2015	01/7/2016
14.	Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự	26/11/2015	01/01/2018
15.	Bộ luật hình sự	27/11/2015	01/01/2018
16.	Bộ luật tố tụng hình sự	27/11/2015	01/01/2018

II. Danh sách các luật được Quốc hội khoá XIII (kỳ họp thứ 11) và khoá XIV (kỳ họp thứ 2) thông qua năm 2016

Stt	Tên luật	Ngày thông qua	Ngày có hiệu lực
1.	Luật trẻ em	05/4/2016	01/6/2017
2.	Luật báo chí	05/4/2016	01/1/2017
3.	Luật tiếp cận thông tin	06/4/2016	01/7/2018
4.	Luật dược	06/4/2016	01/1/2017
5.	Luật sửa đổi các Luật về thuế	06/4/2016	01/7/2016
6.	Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	06/4/2016	01/9/2018
7.	Luật điều ước quốc tế	09/4/2016	01/7/2016
8.	Luật đầu giá tài sản	17/11/2016	01/7/2017
9.	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	18/11/2016	01/1/2018
10.	Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư	22/11/2016	01/1/2017

III. Việc áp dụng một số nội dung mới trong pháp luật Việt Nam

Stt	Nội dung	Tên văn bản	Quy định
1.	Việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 ngay từ thời điểm công bố	Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 (số: 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015)	<p>Điều 1</p> <p>...</p> <p>b) Các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, xóa bỏ một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 7 năm 2016 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích;</p> <p>...</p> <p>2. Kể từ ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được công bố:</p> <p>a) Không áp dụng hình phạt tử hình khi xét xử người phạm tội mà Bộ luật hình sự năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình, đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử;</p> <p>b) Hình phạt tử hình đã tuyên đối với người được nêu tại điểm a khoản này nhưng chưa thi hành án, thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân;</p> <p>c) Đối với người đã bị kết án tử hình nhưng chưa thi hành án mà có đủ các điều kiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân;</p> <p>d) Không xử lý về hình sự đối với người thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự năm 1999 quy định là tội phạm nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 không quy định là tội phạm, bao gồm: tảo hôn; báo cáo sai trong quản lý kinh tế; vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính. Nếu vụ án đã được khởi tố,</p>

			<p>đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án, thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án, thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt;</p> <p>e) Không xử lý về hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội phạm không được quy định tại khoản 2 Điều 12 và các điểm b, c khoản 2 Điều 14 của Bộ luật hình sự năm 2015; nếu vụ án đã được khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trong trường hợp người đó đã bị kết án và đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án, thì họ được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; nếu người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án, thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt;</p> <p>g) Những người đã chấp hành xong hình phạt hoặc được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc phần hình phạt còn lại theo quy định tại điểm d và điểm e khoản này, thì đương nhiên được xóa án tích.</p>
2.	Việc sử dụng án lệ	<p>Nghị quyết về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ (số: 03/2015/NQ-HĐTP)</p>	<p>Điều 1. Án lệ và giá trị pháp lý của án lệ</p> <p>Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử.</p> <p>Điều 8. Nguyên tắc áp dụng án lệ trong xét xử</p> <p>1. Án lệ được nghiên cứu, áp dụng trong xét xử sau 45 ngày kể từ ngày công bố hoặc được ghi trong quyết định công bố án lệ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.</p> <p>2. Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ để giải quyết các vụ việc tương tự, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau. Trường hợp áp dụng án lệ thì số bản án, quyết định của Tòa án có chứa đựng án lệ, tính chất, tình tiết vụ việc tương tự được nêu trong án lệ và tính chất, tình tiết vụ việc đang được giải quyết, vấn đề pháp lý trong án lệ phải được viện dẫn, phân tích, làm rõ trong bản án, quyết định của Tòa án; trường hợp không áp dụng án lệ thì phải phân tích, lập</p>

			<p>luận, nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án.</p> <p>3. Trường hợp do có sự thay đổi của Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ mà án lệ không còn phù hợp thì Thẩm phán, Hội thẩm không áp dụng án lệ.</p> <p>4. Trường hợp do chuyển biến tình hình mà án lệ không còn phù hợp thì Thẩm phán, Hội thẩm không áp dụng án lệ, đồng thời phải kiến nghị ngay với Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để xem xét hủy bỏ theo hướng dẫn tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 9 Nghị quyết này.</p>
--	--	--	---